

Bản án số: 163/2024/HS-ST

Ngày: 31.7.2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Khoa.
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng D – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 01/01/1953; Nơi sinh: huyện T H, tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số 990A, đường N T T, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: **Nội trợ**; Trình độ văn hóa: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Hoàng Thị G (đã chết); Có chồng: Lê Ngọc Th; Con: 02 người, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1996; Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 13/9/1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội Chứa mại dâm, theo Bản án số 79, ngày 13/9/1994. Đã chấp hành xong hình phạt, chưa thực hiện về án phí và nghĩa vụ dân sự trong bản án, chưa được xóa án tích.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam được tại ngoại cho đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa)

* *Người bị hại:* Lâm Ngọc D, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ 8, ấp V P, xã V H P, huyện C T, thành phố R G. (Vắng mặt tại phiên tòa)

* *Người làm chứng:*

+ Huỳnh Thị N H, sinh năm 2005. Địa chỉ: Số 986/1, đường N T T, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

+ Lưu Văn T1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 171, tổ 7, ấp V P, xã V H P, huyện C T, thành phố R G.

+ Lê Ngọc Th, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 990A, đường N T T, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Ngọc D, sinh năm 1992, có thuê phòng số 25 Nhà trọ số 986/1 đường N T T, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang của bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1953, trong quá trình thuê trọ thì D có nợ tiền trọ của bà Ch 02 tháng nhưng chưa có tiền trả. Đến khoảng 10 giờ ngày 11/7/2023, bà Ch đến phòng số 25 của D thuê gõ cửa đòi tiền nhưng D không trả lời, biết D có trong phòng và cho rằng D cố ý né tránh nên bà Ch đi về nhà tại số 990A, đường N T T, phường A H, thành phố R G lấy 01 (một) ổ khóa màu đen bằng kim loại đến khóa cửa ngoài phòng số 25 Nhà trọ số 986/1 đường N T T, phường A H, không cho D đi ra, sau đó về nhà. Một lúc sau D ngủ thức dậy đi ra ngoài mua đồ thì phát hiện cửa đã bị khóa bên ngoài, lúc này D điện thoại cho anh Lưu Văn T1, sinh năm 1975, cư trú tại ấp V P, xã V H P, huyện C T, tỉnh Kiên Giang đến nhà trọ giải quyết dứt khoát. Khoảng 14 giờ cùng ngày thì anh T1 đến phòng trọ của D, lúc này D nhờ anh T1 sang phòng số 26 của nhà trọ gặp Huỳnh Thị N H, sinh năm 2005, gọi bà Ch đến để mở cửa. Một lúc sau thì bà Ch đến và cãi nhau với T1 về việc đã khóa cửa nhốt D do không trả tiền thuê trọ, sau khi cãi nhau do sợ anh T1 báo Công an nên bà Ch mới mở khóa cho D đi ra ngoài. Sau khi ra ngoài thì D, anh T1 tiếp tục cãi nhau với bà Ch và ông Lê Ngọc Th (chồng bà Ch) về việc D không trả tiền thuê trọ, trong khi đang cãi nhau, thấy D chỉ lo nghe điện thoại mà không trả lời bà Ch, nên bà Ch dùng tay giật lấy 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A9, màu xanh của D đang cầm trên tay, một lúc sau Công an phường A H đến mời tất cả về trụ sở làm việc.

Ngày 12/10/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R G khởi tố đối với Nguyễn Thị Ch về tội Giữ người trái pháp luật để điều tra. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

** Vật chứng thu được:*

+ 01 (một) điện thoại di động Oppo A9 2020, màu xanh, số xê – ri 9389C64d, số Imei 860028040328817, đã qua sử dụng, trầy xước, màn hình bị bể;

+ 01 (một) ổ khóa màu đen, hiệu YOFE, bằng kim loại, kích thước 4,5 x 8cm, kèm một chìa khóa bằng kim loại đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số: 66/CT-VKSRG ngày 22/02/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ch về tội: “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ch phạm tội: “Giữ người trái pháp luật”.

- Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm o, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ch mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) ổ khóa màu đen, hiệu YOFE, bằng kim loại, kích thước 4,5 x 8cm, kèm một chìa khóa bằng kim loại đã qua sử dụng, là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 38A/QĐ-VKS ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

+ Ngày 10/11/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R G đã trả lại 01 (một) điện thoại di động Oppo A9 2020, màu xanh, số xê – ri 9389C64d, số Imei 860028040328817, đã qua sử dụng, trầy xước, màn hình bị bể cho Lâm Ngọc D, không liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thị Ch thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội Giữ người trái pháp luật như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G đã truy tố. Bị cáo xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất và không có ý kiến gì khác.

Tại phần nói lời sau cùng bị cáo trình bày: Bị cáo đã nhận biết được hành vi của mình là sai trái và vi phạm pháp luật, xin được hưởng mức hình phạt là cải tạo không

giám giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố R G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt:* Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ch đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng, lời khai của người bị hại, người làm chứng; tài liệu, đồ vật thu giữ và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Xuất phát từ việc Lâm Ngọc D có thuê phòng số 25 Nhà trọ số 986/1 đường N T T, phường A H, thành phố R G và còn nợ 02 tháng tiền trọ chưa trả, nên vào khoảng 10 giờ ngày 11/7/2023, khi Nguyễn Thị Ch đến phòng số 25 của D đang ở, gõ cửa phòng để đòi tiền thuê phòng trọ, biết D đang ở trong phòng, nhưng D không trả lời, không mở cửa, cố tình né tránh việc trả tiền thuê phòng nên Nguyễn Thị Ch đã sử dụng 01 (một) ổ khóa màu đen, hiệu YOFE, bằng kim loại khóa ngoài cửa phòng trọ số 25 mà D đang ở để không cho D đi ra ngoài, sau đó thì Nguyễn Thị Ch đi về nhà của mình ở số 990A, đường N T T, phường A H, thành phố R G. Sau khi thức dậy D không đi ra ngoài được nên điện thoại cho anh Lưu Văn T1 đến nhà trọ giải quyết dứt khoát, đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì Nguyễn Thị Ch mới mở khóa ngoài, mở cửa cho D đi ra ngoài. Sự việc được trình báo Công an phường A H và Công an phường A H mời tất cả về trụ sở làm việc. Quá trình làm việc Nguyễn Thị Ch thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Ch đủ yếu tố cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp

thực hiện. Hành vi tự tiện giữ người trái pháp luật của bị cáo là xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của con người, của công dân, cụ thể ở đây là người bị hại Lâm Ngọc D, đây là những quyền cơ bản của công dân, được pháp luật bảo vệ. Việc giữ người trái pháp luật của bị cáo không chỉ gây ảnh hưởng đến đời sống của người bị hại mà còn xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm tăng thêm sự phức tạp về tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ch có một tiền án về tội Chứa mồi dâm, chưa được xóa án tích. Do đó, lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi đã trên 70 tuổi là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm o, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân xấu.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của xã hội cho hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng theo khoản 1 Điều 52; có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đồng thời, nhận thấy bị cáo đã lớn tuổi, bị cáo đang điều trị bệnh đái tháo đường và nhiều bệnh lý khác. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà giao về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe, tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo, sửa đổi thành một công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố R G về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Đối với ông Lê Ngọc Th không cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo Nguyễn Thị Ch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý hình sự là phù hợp, HĐXX miễn xét.

Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Ch có giật điện thoại trên tay của Lâm Ngọc D, qua điều tra xác định bà Ch không có ý thức chiếm đoạt tài sản của D. Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là phù hợp, nên HĐXX miễn xét.

[8] Về các vấn đề khác:

- Về vật chứng và xử lý vật chứng: Như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G là phù hợp nên HĐXX ghi nhận.
- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Ch phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Ch phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.
2. Áp dụng: khoản 1 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm o, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ch 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập cá nhân do bị cáo không có nghề nghiệp và không có nguồn thu nhập ổn định.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Nguyễn Thị Ch cho Ủy Ban nhân dân phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) ổ khóa màu đen, hiệu YOFE, bằng kim loại, kích thước 4,5 x 8cm, kèm một chìa khóa bằng kim loại đã qua sử dụng, là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 38A/QĐ-VKS ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Ch phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- Cơ quan THA Dân sự TP. R G;
- Công an TP. R G;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa